

Ngày 30/09/2025	34,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.3%	15.9%	19.7%

	Q3/25	
ROE	6.7%	+/- YoY ▲ 3.1%

	Q3/25		
DT thuần	32.0	QoQ	YoY
		▼ 3.30	▲ 8.80
		▼ 9.3%	▲ 38.0%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	127	YoY
		▲ 24.0
		▲ 23.7%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	8.11	QoQ	YoY
		▲ 1.91	▲ 9.12
		▲ 30.8%	▲ 903%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN gộp	38.2	YoY
		▲ 18.5
		▲ 94.1%
	tỷ VNĐ	

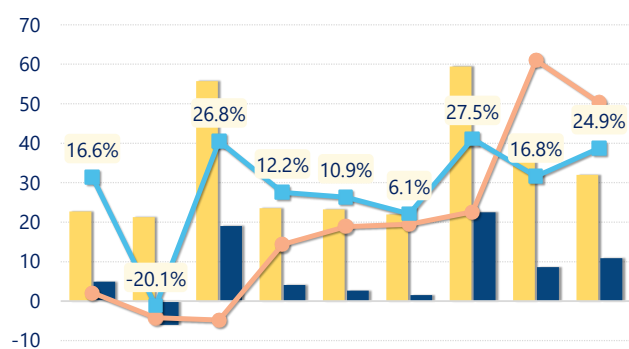
	Q3/25		
LN thuần	12.1	QoQ	YoY
		▲ 3.14	▲ 8.72
		▲ 34.6%	▲ 257%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN thuần	48.7	YoY
		▲ 18.5
		▲ 61.4%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	10.9	QoQ	YoY
		▲ 2.26	▲ 8.23
		▲ 26.0%	▲ 308%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	42.0	YoY
		▲ 16.2
		▲ 62.9%
	tỷ VNĐ	

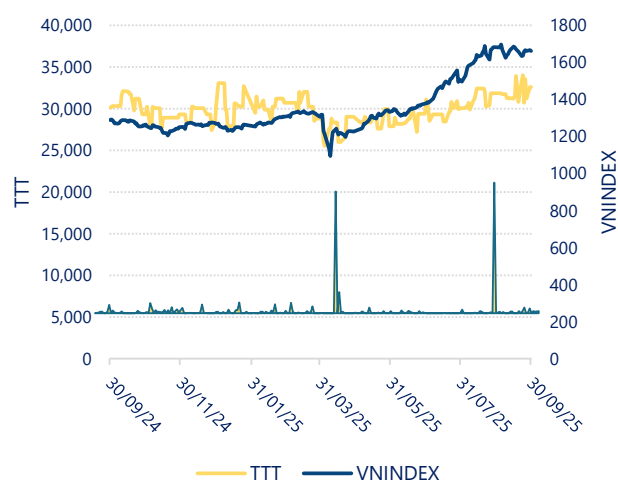
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

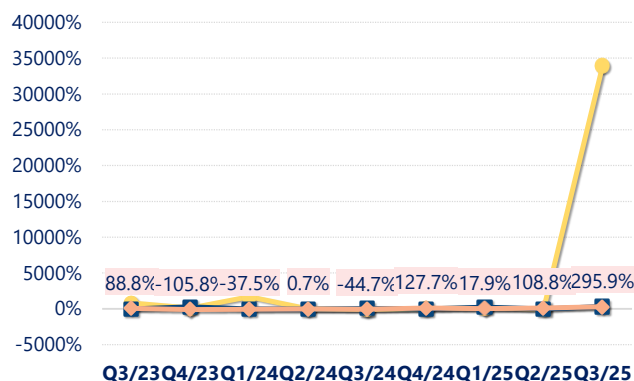
Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Doanh thu thuần Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng DTT (YoY) Tỷ suất LN ròng

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

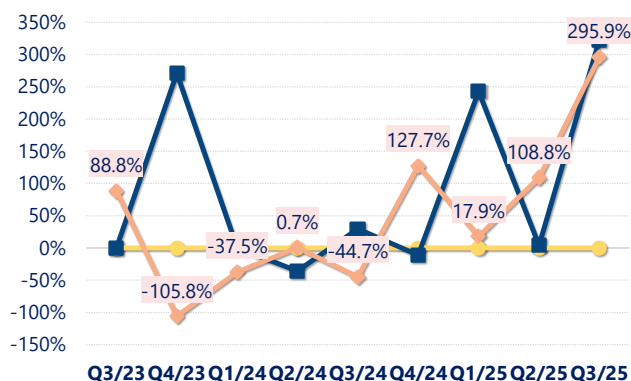
Tăng trưởng lợi nhuận



— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

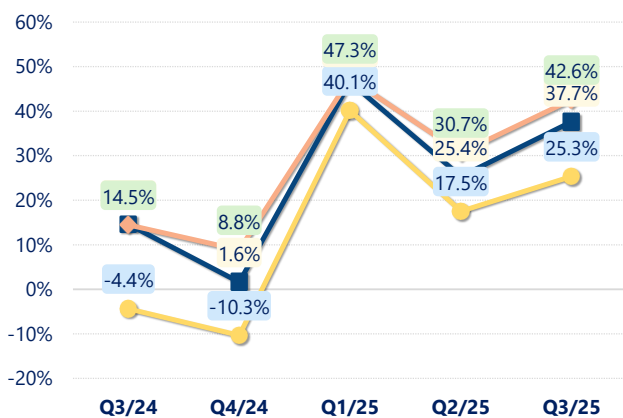
Tăng trưởng chi phí



— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

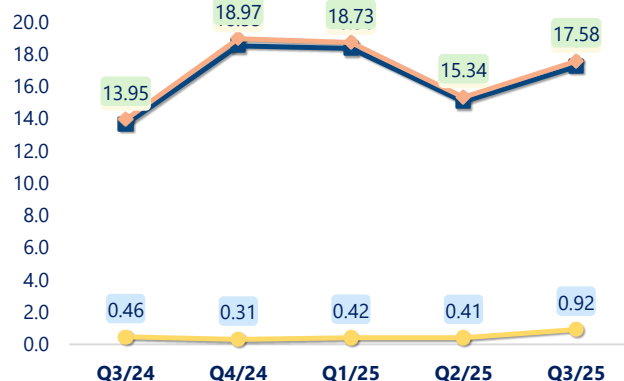
Tỷ suất lợi nhuận



— Tỷ suất LN gộp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

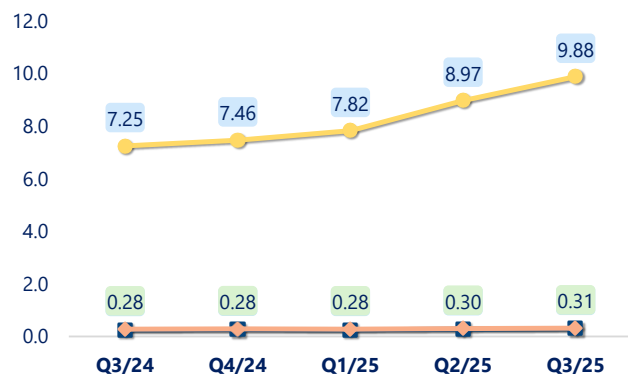
Chỉ số thanh khoản



— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

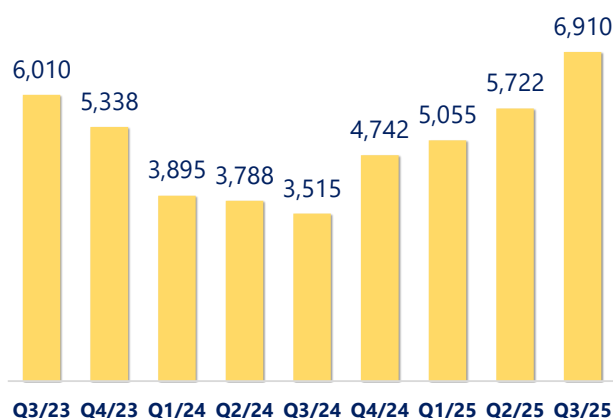
Vòng quay tài sản



— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	32.0	23.2	38.0%	127	103	23.7%
Giá vốn hàng bán	23.9	24.3	-1.6%	88.6	82.8	7.0%
Lợi nhuận gộp	8.11	-1.01	903%	38.2	19.7	94.1%
Doanh thu HĐTC	6.77	6.61	2.4%	19.9	19.8	0.8%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.38	0.24	56.4%	1.26	2.13	-40.5%
Chi phí QLDN	2.45	1.98	23.5%	8.16	7.18	13.7%
LN thuần từ HĐKD	12.1	3.38	257%	48.7	30.2	61.4%
Lợi nhuận khác	1.58	-0.02	7983%	3.92	2.17	80.3%
LN trước thuế	13.6	3.36	306%	52.6	32.3	62.7%
Lợi nhuận sau thuế	10.9	2.67	308%	42.0	25.8	62.9%
LNST của CĐ cty mẹ	7.96	2.53	215%	30.2	20.3	48.7%

(Nguồn: fireant.vn)

